

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 20/7/2026 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi
về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với
công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026 - 2030
và tầm nhìn đến năm 2045**

Căn cứ Kế hoạch số 361/KH-UBND ngày 23/9/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Kế hoạch số 86-KH/ĐU ngày 24/8/2026 của Đảng ủy xã Nghĩa Giang về thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 20/7/2026 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045

Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Giang ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 20/7/2026 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết số 11-NQ/TU*), cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Xác định phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ có vị trí chiến lược lâu dài, là nền tảng quan trọng bảo đảm ổn định vĩ mô, tăng trưởng bền vững, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ là nhiệm vụ trọng tâm mang tính chiến lược; gắn liền với quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và xây dựng nông thôn mới.

2. Yêu cầu

- Phát triển nông nghiệp dựa trên tiềm năng và lợi thế của từng vùng; hình thành các vùng sản xuất tập trung, ổn định; ưu tiên phát triển sản phẩm chủ lực phù hợp với địa phương.

- Khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực then chốt, thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn, sinh thái; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

- Lấy doanh nghiệp làm hạt nhân dẫn dắt chuỗi giá trị, hợp tác xã là nền tảng tổ chức sản xuất, nông dân là chủ thể; Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, điều phối và dẫn dắt phát triển theo chuỗi ngành hàng.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

- Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp. Khuyến khích phong trào khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp số.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững; phát triển các ngành hàng chủ lực, lợi thế theo vùng, miền.

- Đẩy mạnh kết nối thị trường, quảng bá sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; nâng cao vị thế và giá trị nông sản của địa phương trên cả nước và thị trường quốc tế.

2. Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phần đầu tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm trong giai đoạn 2026 - 2030 của lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 4% - 5%/năm.

- Phần đầu phát triển diện tích sản xuất theo thực hành nông nghiệp tốt, giảm phát thải khí nhà kính, trồng trọt hữu cơ, VietGAP; thu hút các doanh nghiệp có quy mô lớn, đầu tư chế biến, tiêu thụ các sản phẩm từ nông nghiệp.

- Duy trì ổn định diện tích lúa nước hiện có, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, chuyển đổi diện tích trồng lúa không hiệu quả sang cây trồng khác để nâng cao hiệu quả kinh tế.

- Phần đầu hình thành và cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu; tổ chức sáp nhập các HTXNN trên địa bàn xã để đầu tư và phát triển mạnh về lĩnh vực nông nghiệp; công nhận thêm 5-10 sản phẩm OCOP mới đạt từ 3 sao trở lên, trong đó có ít nhất 1-2 sản phẩm đạt chuẩn 4 sao; có ít nhất 50% chủ thể là người phụ nữ điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh giữ vững ổn định; có ít nhất 20 - 30% chủ thể OCOP tham gia vào các kênh bán hàng hiện đại (hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, sàn giao dịch thương mại điện tử...).

- Phần đầu 80% trang trại chăn nuôi quy mô lớn có chứng nhận an toàn dịch bệnh và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tỷ lệ tiêm phòng các bệnh bắt buộc đạt tối thiểu 80% tổng đàn gia súc, gia cầm trong diện tiêm phòng hằng năm; kiểm soát hiệu quả các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên động vật.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Nông nghiệp xã phát triển theo hướng sinh thái, bảo vệ môi trường; phần đầu 100% các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung ứng dụng công nghệ cao; giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ đạt 30 - 35% giá trị sản phẩm nông nghiệp chung của xã. Nông thôn hiện đại, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; nông dân có mức thu nhập cao.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

- Tăng cường quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân mục tiêu, nội dung phát triển nông nghiệp bền vững, nông nghiệp hàng hóa gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ; làm rõ vai trò trung tâm của người nông dân, vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp và vai trò kiến tạo của Nhà nước. Đổi mới hình thức tuyên truyền theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng vùng, từng ngành hàng.

- Xây dựng và duy trì các chuyên trang, chuyên mục trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội về nông nghiệp bền vững; thường xuyên giới thiệu các mô hình sản xuất hiệu quả, chuỗi liên kết thành công, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm có tiềm năng chế biến và xuất khẩu, tạo sức lan tỏa và thúc đẩy học tập, nhân rộng.

- Tổ chức, phát động các phong trào thi đua trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát huy vai trò nòng cốt của hệ thống khuyến nông thông qua xây dựng, nhân rộng mô hình hiệu quả, gắn tập huấn, đào tạo với thực tiễn sản xuất; khuyến khích người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia các chương trình, dự án phát triển vùng nguyên liệu bền vững, tuân thủ nghiêm các quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trong phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

- Thường xuyên cử cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước về phát triển nông nghiệp bền vững, kinh tế nông nghiệp, công nghiệp chế biến và hội nhập thị trường; nâng cao năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát; tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động.

- Thực hiện tốt công tác khảo sát, xây dựng, tích hợp quy hoạch phát triển nông nghiệp của xã vào quy hoạch vùng và quy hoạch quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện hiệu quả chính sách tạo quỹ đất, giao đất, cho thuê

đất, ưu đãi đầu tư; đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, gắn với tiêu chuẩn hóa sản xuất và tự động hóa.

- Tăng cường liên kết và phát huy hiệu quả vai trò của “4 nhà”: Nhà nước - Nhà nông - Nhà khoa học - Doanh nghiệp, bảo đảm hội tụ đầy đủ các yếu tố về cơ chế, chính sách, vốn, khoa học - công nghệ và thị trường để phát triển nền kinh tế nông nghiệp hàng hóa bền vững.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất áp dụng các quy trình thực hành sản xuất tốt (GAP), sản xuất an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; tăng cường quản lý nhà nước về thú y, kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm; bảo đảm chất lượng và tính bền vững của vùng nguyên liệu phục vụ chế biến.

3. Tái cơ cấu sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu và công nghiệp chế biến

- Rà soát, đẩy mạnh dồn điền, đổi thửa, tích tụ và tập trung đất đai; khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Tiếp tục hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, ổn định gắn công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ; phát triển các “cánh đồng lớn” trong nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái tại những địa bàn có điều kiện thuận lợi. Ưu tiên phát triển các loại cây trồng chủ lực và phù hợp với địa phương, khuyến khích phát triển mô hình sản xuất theo hộ gia đình, nhóm hộ có sự liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp, hợp tác xã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và giá trị ngành trồng trọt.

- Tập trung cơ cấu lại lĩnh vực chăn nuôi theo hướng phát triển trang trại, ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học; giảm dần chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán.

- Hình thành và phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản gắn với khu công nghiệp; bảo đảm sự kết nối chặt chẽ giữa vùng sản xuất nguyên liệu với cơ sở chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm.

- Tổ chức xây dựng, nhân rộng các mô hình khuyến nông hiệu quả trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp..., làm cơ sở thúc đẩy liên kết giữa nông dân, hợp tác xã với doanh nghiệp thông qua hợp đồng tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh, ưu tiên hỗ trợ các Hợp tác xã liên kết với doanh nghiệp, hộ dân xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn hợp pháp khác

4. Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển thị trường nông sản

- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình tiếp cận các nguồn vốn tín dụng và các hình thức hỗ trợ phù hợp.

- Tăng cường quản lý, kiểm soát chất lượng nông sản. Xây dựng và triển khai chiến lược xúc tiến thương mại nông sản theo chuỗi giá trị, đa dạng hóa thị trường tiêu thụ, chú trọng thị trường xuất khẩu.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp xây dựng mã số vùng trồng; áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản.

5. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách Nhà nước gắn với việc huy động tối đa các nguồn lực xã hội hóa; đồng thời đẩy mạnh lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư và triển khai thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra.

- Ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững, vùng nguyên liệu tập trung..., Tận dụng nguồn ngân sách cấp trên và ưu tiên bố trí ngân sách tỉnh và huy động các nguồn vốn hợp pháp để phát triển hệ thống thủy lợi.

- Thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến.

6. Đẩy mạnh khoa học - công nghệ và chuyển đổi số cho phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

- Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong lĩnh vực nông nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu về cây trồng, vật nuôi, thủy sản, đất đai, nguồn nước, khí hậu, dịch bệnh; phát triển bản đồ số nông nghiệp và các nền tảng kết nối, chia sẻ thông tin phục vụ quản lý, sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản; từng bước phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch.

- Phối hợp triển khai các chương trình, đề án nghiên cứu khoa học - công nghệ trong nông nghiệp với các Viện nghiên cứu, trường Đại học, doanh nghiệp trong nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch, công nghệ chế biến sâu trong toàn bộ chuỗi giá trị nông nghiệp.

IV. CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN: Chi tiết tại phụ lục kèm theo.

V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách nhà nước;
- Nguồn vốn tham gia của Doanh nghiệp, Hợp tác xã và người dân;
- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

- Tổ chức triển khai, phối hợp triển khai thực hiện kế hoạch; Tổng hợp đề xuất, kiến nghị trình UBND xã những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền, bổ sung,

điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Tham mưu UBND xã báo cáo kết quả thực hiện gửi UBND tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công

- Tăng cường công tác tuyên truyền về thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ.

- Triển khai thực hiện kế hoạch theo nhiệm vụ được giao; Khuyến khích hàng năm xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp theo hướng ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Phòng Văn hoá - Xã hội

Phối hợp với Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công tăng cường công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức về chủ trương phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ, đồng thời phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc thực hiện đẩy mạnh khoa học - công nghệ và chuyển đổi số cho phát triển nông nghiệp.

4. Các HTXNN và Trưởng các thôn trên địa bàn xã

- Phối hợp với Trung tâm Cung ứng dịch vụ công hàng năm rà soát, đề xuất các danh mục/mô hình chăn nuôi, trồng trọt mới trên địa bàn quản lý để tham mưu UBND xã ban hành danh mục, chương trình khuyến nông hàng năm.

- Phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan trên địa bàn xã triển khai kế hoạch.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam, các tổ chức Chính trị - xã hội xã

Tăng cường công tác tuyên truyền đến hội viên, đoàn viên và phối hợp với các phòng, đơn vị chuyên môn của xã triển khai các mô hình, dự án liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn xã.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu gặp khó khăn vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động đề xuất gửi Phòng Kinh tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy; TT HĐND xã;
- UB MTTQVN xã và các tổ chức CT-XH xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các phòng: Kinh tế xã; Văn hoá-XH;
- Trung tâm CUDVC xã;
- Các thôn; HTXNN trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Thanh Tuyên

**PHỤ LỤC: CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA ĐI VÀO CHIỀU SÂU VÀ BỀN VỮNG,
GẮN VỚI CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN VÀ THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /10 /2026 của UBND xã Nghĩa Giang)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Thông tin, tuyên truyền về thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ	Trung tâm CUDVC	Phòng VH-XH, Phòng Kinh tế và các thôn	Giai đoạn 2026-2030	
2	Tham mưu UBND xã ban hành Quyết định về triển khai Kế hoạch phòng chống dịch bệnh trên cạn, thủy sản đảm bảo tỷ lệ tiêm phòng các bệnh bắt buộc đạt tối thiểu 80% tổng đàn gia súc, gia cầm trong diện tiêm phòng hằng năm và từ đó kiểm soát hiệu quả các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên động vật	Trung tâm CUDVC	Phòng Kinh tế và các thôn	Hằng năm	
3	Khuyến khích đẩy mạnh dồn điền, đổi thửa, tích tụ và tập trung đất đai; khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.	Phòng Kinh tế	Các HTXNN và các thôn	Giai đoạn 2027-2030, định hướng 2045	
4	Giới thiệu các mô hình sản xuất hiệu quả, chuỗi liên kết thành công, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP	Phòng Kinh tế	Trung tâm CUDVC, các thôn	Hằng năm	
5	- Khuyến khích xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp theo hướng ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nông	Trung tâm CUDVC	Phòng Kinh tế; Liên hiệp Hợp tác xã Dâu Tằm Tơ và Du lịch Sinh thái	Năm 2030, định hướng đến 2045	

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái. - Xây dựng Đề án/Mô hình thí điểm và nhân rộng chuỗi liên kết Dầu - Tầm - Tơ Nghĩa Giang theo mô hình tổ chức sản xuất của Liên hiệp E&CVN và HTX Nông Lâm Nghiệp Chuyển Đổi Xanh Đình Cương, trên cơ sở mô hình 2 ha, 10 hộ tại thôn Mỹ Phước. Khoa Nông Lâm Ngư - Trường Đại học Nghệ An chủ trì học thuật, chuẩn hóa quy trình kỹ thuật và đánh giá hiệu quả. Kết quả đầu ra: 01 đề án, vùng nguyên liệu dự kiến 2-5 ha sau khi rà soát đủ điều kiện, ít nhất 01 tổ hợp tác hoặc hợp tác xã, 01 hợp đồng cung ứng đầu vào, 01 hợp đồng tiêu thụ và hồ sơ xây dựng thương hiệu kén tầm Nghĩa Giang.		Việt Nam - E&CVN; HTX Nông Lâm Nghiệp Chuyển Đổi Xanh Đình Cương; Khoa Nông Lâm Ngư - Trường Đại học Nghệ An và các cơ quan, đơn vị liên quan		